

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số /STC-QLNS ngày /7/2026 của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 02 quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế 02 quý	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	66.387	33.059	52.822	79.6	192.6
I	Thu nội địa	59.025	30.230	48.328	81.9	202.1
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	7.300	2.819	4.456	61.0	132.9
IV	Thu viện trợ	62	1	1	2.2	8.1
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	54.622	180.047	197.928	362.4	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	48.068	24.374	39.532	82.2	194.3
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	42.112	23.279	36.712	87.2	268.1
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)	0	0	0	0.0	0.0
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	5.956	1.096	2.819	47.3	42.4
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.162	2.051	3.096	74.4	214.9
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
2	Thu bổ sung có mục tiêu	4.162	2.051	3.096	74.4	214.9
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư		101.470	101.470		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	2.392	52.152	53.831	2.250.7	
C	TỔNG CHI NSDP	52.499	15.088	28.478	54.2	104.9
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	48.336	13.885	24.585	50.9	105.1
1	Chi đầu tư phát triển	13.796	6.693	11.678	84.6	145.6
2	Chi thường xuyên	29.718	7.109	12.809	43.1	83.6
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ	0	44	45		0.0
5	Chi trả nợ lãi	178	39	49	27.5	92.7
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	3	0	3	100.0	100.0
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	4.162	1.204	3.894	93.5	103.9
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau			0		